TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2. Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Khu phố Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh N.

Địa chỉ tạm trú: Nhà số 10.02, Lô N, chung cư số Q, đường T, Phường 1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lim Chung H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Quốc tịch: Hàn Quốc.

Địa chỉ thường trú: Maseo-myeon, Seocheon-gun, Chungcheongnam-do.

Địa chỉ liên hệ: Hanyangdaehak-ro, Sangnok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea Rep. 15588.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2020 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lim Chung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 26/9/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì ông Lim Chung H quay trở về Hàn Quốc sinh sống, còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Kể từ đó, do xa cách địa lý nên hai bên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông Lim Chung H quyết định không trở lại Việt Nam và bà cũng không thể sang Hàn Quốc. Bà xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lim Chung H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản khai ngày 01/12/2020 (được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 15/12/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc), bị đơn là ông Lim Chung H xác nhận lời trình bày của bà L về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà L xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà L. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Phạm Thị L và ông Lim Chung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị L được ly hôn ông Lim Chung H, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà L và ông Lim Chung H, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà L và ông Lim Chung H không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà L và ông Lim Chung H đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Lim Chung H là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Thị L chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Lim Chung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N cấp ngày 26/9/2019 cho bà Phạm Thị L và ông Lim Chung H không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Thị L chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0092922 ngày 29/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Lim Chung H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND huyện T, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên